TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2017/DS-PT
Ngày: 19-9-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao

Ông Đinh Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Bình Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện K tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2017/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1956

1.2. La Thị C, sinh năm: 1958

1.3. Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm: 1960

Củng địa chỉ: ấp B, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Khóm 3, Thị trấn M, huyện Q, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1954

1.6. Nguyễn Kim P, sinh năm: 1962

Cùng địa chỉ: Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Nguyễn Kim P là người được bà L, bà C, bà L1, ông H và ông C1 cùng ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/9/2017).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Luật sư Đinh Văn D, Văn phòng luật sư A thuộc đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Trương Công N, sinh năm: 1949

Địa chỉ: Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Văn N1, Văn phòng luật sư G thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Mai Thanh T, sinh năm 1957.

3.2. Trương Công T1, sinh năm 1982.

3.3. Trương Công T2, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Anh Trương Công T2 là người được ông N, bà T và anh T1 cùng ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016, ngày 08/7/2015, ngày 24/7/2015).

4. *Người kháng cáo:* Ông Trương Công N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Kim P đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Trịnh Thị H1 khai hoang từ trước năm 1975 và sau khi giải phóng thì canh tác sử dụng cho đến nay, đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 397 tờ bản đồ số 01 diện tích là 3.640m^2 đất thổ cư do bà Trịnh Thị H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/12/1994 đến ngày 23/5/2013 được đính chính theo hồ sơ số 131415 thì thửa 397 còn diện tích 1.500m^2 đất ONT. Vào năm 1990 bà H1 cho ông Trương Công N cất nhà ở nhờ trên một phần diện tích khoảng 200m^2 thửa 397 là đất thổ cư cất căn nhà nhỏ bằng lá nền đất, ông N là cháu bà H1 kêu bằng dì cho nên bà H1 cho ở nhờ không có thỏa thuận thời gian cho ở, việc ông N xây nhà năm nào bà không nhớ nhưng khoảng năm 2005, nhà ông N xây là nhà cấp 4, nền lót gạch, vách xây tường, mái lợp tol diện tích căn nhà độ khoảng trên 200m^2, ông N xây nhà cũng không được sự đồng ý của bà H1, ngoài ra ông N còn lấn thêm đất để trồng các cây như me, mù u thì cũng không được sự đồng ý của bà H1, việc cho ông N ở nhờ không có thu tiền thuê đất gì cả nhưng thuế Nhà nước bà H1 đóng hàng năm, ông N cũng không có tu bổ gì thêm trên phần đất. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Trương Công N, Mai Thanh T, Trương Công T1 và Trương Công T2 di dời cây trồng trả lại diện tích đất 242m^2 thuộc thửa số 397 tờ bản đồ số 01 theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 tại các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12. Bà Nguyễn Kim P đồng ý cho ông Trương Công N, Mai Thanh T, Trương Công T1 và Trương Công T2 tiếp tục sử dụng phần đất đã xây dựng nhà kiên cố theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 từ các mốc 6,7,8,9 diện tích 236,6m^2.

- Anh Trương Công T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Phần đất tranh chấp trước đây do ông Trịnh Văn Thiên (đã chết năm 1989) cho ông Trương Công N sử dụng vào năm 1979 khi cho đất chỉ nói miệng không có làm giấy tờ gì để chứng minh, ông N cất nhà vào năm 1979 cất nhà bình thường cây tạp vách lá nền đất. Đến năm 2005 thì xây dựng nhà kiên cố, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đã cấp cho bà Trịnh Thị H1 vì bà H1 đã kê khai trùm luôn phần đất mà ông Trương Công N đang sử dụng, việc bà H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông N cũng biết nhưng ông N không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Trên phần đất tranh chấp hiện nay ông N đã cất nhà kiên cố nền lót gạch, vách xây tường, mái lợp tol diện tích căn nhà 236m^2 xung quanh nhà có trồng cây trái như me, mù u, xoài, mít, mận…tổng diện tích 478m^2, khi ở trên phần đất này ông N không có bồi đắp hay tu bổ trên đất.

Vào ngày 06/10/2016 ông Trương Công N có đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSD đất của bà Trịnh Thị H1 và yêu cầu bà H1 bồi

thường thành quả lao động trên diện tích 242m^2 đất là 300.000.000 đồng. Đến ngày 06/01/2017 ông N có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu.

Nay ông Trương Công N và các con không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn trả lại cho các con bà H1 một phần đất tranh chấp diện tích 242m^2 thuộc thửa số 397 tờ bản đồ số 1, loại đất thổ cư và yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 thể hiện các mốc 1,2,3,4,5,10,11,12 tổng diện tích là 478,6m^2.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu các nguyên đơn Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn C1 ủy quyền cho bà Nguyễn Kim P yêu cầu ông Trương Công N, Mai Thanh T, Trương Công T1 và Trương Công T2 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích là 242m^2 (theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 từ các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12) thuộc một phần thửa số 397 tờ bản đồ số 1 của bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 05/12/1994, đất toạ lạc tại Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

2. Buộc hộ ông Trương Công N phải di dời tất cả cây trái trên phạm vi diện tích 242m^2 đất (theo sơ đo đạc ngày 04/02/2015 từ các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 về mốc 1) trả lại cho bà Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Kim P là người kế thừa của bà Trịnh Thị H1.

3. Công nhận cho hộ ông Trương Công N được sử dụng phần diện tích đất 236,6m^2 từ các mốc 6,7,8,9 (theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015). Thuộc một phần thửa số 397 tờ bản đồ số 1 của bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 05/12/1994, đất toạ lạc tại Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất được giao. Đối với các chướng ngại vật (trụ đá và hàng rào) lấn qua ranh đất nếu bên nào vi phạm phải có trách nhiệm tháo dỡ di dời ra khỏi phạm vi đất các bên đã được sử dụng ranh đất đúng theo qui định của pháp luật.

Các nguyên đơn Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn C1 ủy quyền cho bà Nguyễn Kim P và hộ ông Trương Công N có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo qui định của pháp luật về đất đai.

- Chi phí đo đạc và xem xét thẩm định: Bà Nguyễn Kim P đã nộp xong 2.125.000đ lệ phí đo đạc và lệ phí định giá 1.000.000đ. Buộc Ông Trương Công

N, Trương Công T1, Trương Công T2 và bà Mai Thị T liên đới nộp 2.125.000 đồng chi phí đo đạc và chi phí định giá 1.000.000 đồng cho bà Nguyễn Kim P.

- Về án phí: Ông Trương Công N phải nộp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Kim P được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo lai thu số 024725 ngày 24/11/2014 và 3.125.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Ông Trương Công N được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST. Theo lai thu số 11660 ngày 07/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 17/7/2017 ông Trương Công N có đơn kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm. Ông yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được sử dụng thêm phần đất giáp với ranh đất bà P từ mí nhà ra 01m, phía sau từ mí nhà ra 01m, phía giáp ranh bà D1 từ mí nhà ra 2,5m, phía trước từ mí sông lên mí nhà, ông đồng ý trả giá trị diện tích 242m^2 với lý do theo phong tục tập quán ở nông thôn khi cất nhà ở phải có phần đất xung quanh để trồng cây.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trương Công N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông sửa một phần bản án sơ thẩm.

+ Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim P, buộc ông Trương Công N, Mai Thanh T, Trương Công T1 và Trương Công T2 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích là 242m^2 (theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 từ các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12) thuộc một phần thửa số 397 tờ bản đồ số 1 do bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 05/12/1994, đất toạ lạc tại Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp,

+ Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông N sửa một phần bản án sơ thẩm, tiếp tục giao diện tích 242m^2 cho hộ ông N sử dụng theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 thể hiện các mốc 1,2,3,4,5,10,11,12, ông N đồng ý trả giá trị đất theo biên bản định giá ngày 24/8/2016.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào khoảng năm 1990 bà Trịnh Thị H1 có cho hộ Trương Công N ở nhờ một nền nhà nhỏ và sử dụng đến năm 2005 ông N đã lấn thêm và xây dựng lại căn nhà kiên cố diện tích chiều ngang 6m, chiều dài 15m. Hộ ông Trương Công N sử dụng thực tế theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 diện tích 236,6m^2 đất theo các mốc 6,7,8,9 các nguyên đơn đồng ý giao cho ông Trương Công N tiếp tục sử dụng, không yêu cầu trả giá trị đất.

[2] Theo đơn kháng cáo của ông N, ông yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được sử dụng thêm phần đất giáp với ranh đất bà P từ mí nhà ra 01m, phía sau từ mí nhà ra 01m, phía giáp ranh bà D1 từ mí nhà ra 2,5m, phía trước từ mí sông lên mí nhà, ông đồng ý trả giá trị diện tích 242m^2 với lý do theo phong tục tập quán ở nông thôn khi cất nhà ở phải có phần đất xung quanh để trồng cây. Xét yêu cầu kháng cáo của ông N là không có căn cứ. Bởi vì, khi bà H1 là mẹ của các nguyên đơn còn sống có cho hộ ông N ở nhờ một nền nhà nhỏ và ông cũng đã sử dụng đến năm 2005 ông tiếp tục lấn thêm và xây dựng lại căn nhà kiên cố trên diện tích 236,6m^2 các nguyên đơn cũng đồng ý giao cho hộ ông Trương Công N tiếp tục sử dụng và cũng không có yêu cầu gì đối với diện tích 236,6m^2, các nguyên đơn chỉ yêu cầu hộ ông Trương Công N, Mai Thanh T, Trương Công T1 và Trương Công T2 chỉ trả lại diện tích phần đất đã lấn chiếm mở rộng thêm là 242m^2 (Theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 theo các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12). về cây trái ông N trồng trên đất của bà H1 thì tự di dời không bồi thường.

Căn cứ công văn số: 1776/UBND-NC ngày 21/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện K cung cấp thông tin như sau:

Phần đất thuộc thửa số 397, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.500m^2 của hộ bà Trịnh Thị H1 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 05/12/1994 là trường hợp đăng ký kê khai ban đầu theo mẫu và được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tại Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất.

Tại thời điểm cấp giấy, xã D đã lập sơ đồ giải thửa theo hiện trạng, có cán bộ địa chính, có Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, suốt thời gian dài hơn 21 năm, từ khi kê khai, đăng ký, công bố cấp giấy đối với hộ bà Trịnh Thị H1 từ năm 1994 đến khi có đơn khởi kiện Tòa án năm 2016, Ủy ban xã D không nhận được đơn tranh chấp, khiếu nại nào liên quan. Mặt khác từ năm 1994 hộ bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất đến nay bà H1 là người thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Việc này hộ ông Trương Công N đã biết, nhưng mặc nhiên thừa nhận quyền sử dụng đất thuộc về bà Trịnh Thị H1.

Ông N cho rằng phần đất hiện ông sử dụng liên tục từ năm 1979 là do ông Trịnh Văn Thiên là ông Ngoại của ông để lại nhưng ông không có giấy tờ gì chứng minh, Việc bà H1 đi kê khai đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất ông cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Do đó, án sơ thẩm xử công nhận cho hộ ông N được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 236,6m^2 theo mốc 6,7,8,9 thuộc một phần thửa số 397 tờ bản đồ số 1 của bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất, buộc hộ ông Trương Công N phải di dời tất cả các cây trồng trên phạm vi diện tích 242m^2 đất để trả lại cho bà Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Kim P là người kế thừa của bà Trịnh Thị H1 là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa anh Tín là người được nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được trả giá trị trên diện tích 242m^2 theo biên bản định giá ngày 24/8/2016, việc yêu cầu trả giá trị đất của ông N trên diện tích 242m^2 bà P không đồng ý. Tại phiên tòa anh Tín tự nguyện di dời các cây trồng trên diện tích 242m^2.

[3] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm xử. Xét lời đề nghị của Luật sư là có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, hộ ông N được tiếp tục sử dụng diện tích 242m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 thể hiện các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 và đồng ý trả giá trị đất cho nguyên đơn. Xét lời đề nghị của Luật sư là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông N. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 265; Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 166, khoản 1 Điều 203; Điều 99; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Công N.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K .

Chấp nhận yêu cầu các nguyên đơn Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn C1 cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Kim P yêu cầu ông Trương Công N, Mai Thanh T, Trương Công T1 và Trương Công T2 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích là 242m^2 (theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 thể hiện các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12) thuộc một phần thửa số 397 tờ bản đồ số 1 của bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 05/12/1994, đất toạ lạc tại Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc hộ ông Trương Công N phải di dời tất cả cây trồng trên phạm vi diện tích 242m^2 đất (theo sơ đo đạc ngày 04/02/2015 thể hiện các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 về mốc 1) trả lại cho bà Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn C1 và Nguyễn Kim P là người kế thừa của bà Trịnh Thị H1.

Công nhận cho hộ ông Trương Công N được sử dụng phần diện tích đất 236,6m^2 thể hiện các mốc 6,7,8,9 theo sơ đồ đo đạc ngày 04/02/2015 thuộc một phần thửa số 397 tờ bản đồ số 1 của bà Trịnh Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 05/12/1994, đất toạ lạc tại Ấp B2, xã D, huyện K, tỉnh Đồng Tháp.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất được giao. Đối với các chướng ngại vật có trên đất (trụ đá và hàng rào) lấn qua ranh đất nếu bên nào vi phạm phải có trách nhiệm tháo dỡ di dời ra khỏi phạm vi đất các bên đã được sử dụng ranh đất đúng theo qui định của pháp luật.

Các nguyên đơn Nguyễn Thị L, La Thị C, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn C1 ủy quyền cho bà Nguyễn Kim P và hộ ông Trương Công N có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo qui định của pháp luật về đất đai.

3. Chi phí đo đạc và xem xét thẩm định: Bà Nguyễn Kim P đã nộp xong 2.125.000đ lệ phí đo đạc và lệ phí định giá 1.000.000đ. Buộc ông Trương Công N, Trương Công T1, Trương Công T2 và bà Mai Thị T liên đới nộp 2.125.000 đồng chi phí đo đạc và chi phí định giá 1.000.000 đồng trả cho bà Nguyễn Kim P.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trương Công N phải nộp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Kim P được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo lai thu số 024725 ngày 24/11/2014 và 3.125.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Ông Trương Công N được nhận lại 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST. Theo lai thu số 11660 ngày 07/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Trương Công N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 10959 ngày 18/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K (ông N đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện K;
- TAND huyện K;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Phước Hội